

Số: /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1423/TTr-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2021 và báo cáo thẩm định văn bản của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 621/BC-STP ngày 02 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Kinh phí thuê Đơn vị tư vấn và thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được bố trí từ ngân sách Nhà nước (*đối với dự án sử dụng vốn ngân sách*) theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại được xác định bằng một (01) lần giá đất của loại đất thu hồi tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân:

Việc bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai và Điều 4 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Mức bồi thường theo Điều 7 quy định này”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 21 như sau:

“2. Nhà, công trình khác không được phép xây dựng thì tùy theo mức độ, tính chất hợp pháp của đất, nhà và công trình được bồi thường hoặc hỗ trợ như sau:

a) Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì được bồi thường theo Quy định này;

b) Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 4 của Quy định này hoặc xây dựng trên đất nông nghiệp, thời điểm xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì được hỗ trợ 80% mức bồi thường quy định tại Điều 20 Quy định này;

c) Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 4 của Quy định này hoặc xây dựng trên đất nông nghiệp, thời điểm xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì được hỗ trợ 30% mức bồi thường quy định tại Điều 20 Quy định này.

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 4 của Quy định này, hoặc xây dựng trên đất nông nghiệp, thời điểm xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau thì người có công trình xây dựng trái phép đó buộc phải tự phá dỡ và tự chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện phá dỡ”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điểm c, khoản 2, Điều 30 như sau:

“c) Mức hỗ trợ ổn định đời sống tại các điểm a và b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 (ba mươi) kg gạo trong một tháng cho một nhân khẩu có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm hỗ trợ theo giá gạo trung bình của địa phương do Sở Tài chính công bố”.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 35 như sau:

“4. Hỗ trợ đất vườn, ao không được công nhận là đất ở, đất nông nghiệp trong khu dân cư như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở, đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp theo loại đất và vị trí thửa đất thu hồi còn được hỗ trợ bằng 04 lần giá đất nông nghiệp cùng loại và cùng vị trí quy định trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp theo loại đất và vị trí thửa đất thu hồi còn được hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất và cùng vị trí quy định trong Bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Bổ sung điểm d Khoản 7 Điều 35 như sau:

“d) Đối với mộ phải di dời khi Nhà nước thu hồi đất về nơi khác theo phong tục tập quán (không phải về nghĩa trang Nhà nước) ngoài tiền bồi thường theo quy định, hỗ trợ theo các điểm a, b, c khoản 7 Điều 35 Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh còn được hỗ trợ chi phí di dời mộ với số tiền 3.000.000 đồng/mộ”.

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 35 như sau:

“a) Hỗ trợ diện tích đất có nguồn gốc lán, chiếm :

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, có hộ khẩu thường trú tại Ninh Thuận, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, diện tích đất sử dụng bị thu hồi đã đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ về đất. Diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013;

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, có hộ khẩu thường trú tại Ninh Thuận, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, diện tích đất sử dụng bị thu hồi nằm trong quy hoạch 3 loại rừng khi Nhà nước thu hồi đất được hỗ trợ về đất; mức hỗ trợ bằng một lần đơn giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định của loại đất bị thu hồi; diện tích đất được hỗ trợ toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

- Hộ gia đình, cá nhân lán, chiếm đất sau ngày 01/7/2014 khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường, hỗ trợ”.

b) Hỗ trợ đất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Hộ gia đình, cá nhân lán, chiếm đất sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận có tác động, đang canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đã sử dụng ổn định, không tranh chấp được hỗ trợ về đất bằng mức bồi thường, hỗ trợ.

- Hộ gia đình, cá nhân lán, chiếm đất sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất không tranh chấp, có tác động sản xuất nông nghiệp nhưng không liên tục được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Hỗ trợ cho hộ gia đình cá nhân có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Ninh Thuận.

Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Ninh Thuận được áp dụng các khoản bồi thường, hỗ trợ theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và các khoản bồi thường, hỗ trợ có quy định hộ khẩu thường trú.

d) Hỗ trợ cây trồng trên đất.

Hộ gia đình, cá nhân có cây trồng (trước khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền) trên đất không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất được hỗ trợ cây trồng trên đất theo số lượng thực tế nhưng không vượt quá mật độ quy định, giá hỗ trợ bằng giá bồi thường cây trồng theo quy định hiện hành tại Bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh.

đ) Hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn lưới điện cao áp dưới 110kV thì được hỗ trợ bằng tiền theo diện tích thực tế bị hạn chế sử dụng quy định tại Điều 22 của Quy định này.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan căn cứ Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã

được Thủ tướng Chính phủ quyết định, tổ chức lập, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án thực hiện tại địa bàn tỉnh sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ, ngành có dự án đầu tư; tổ chức quyết toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với Bộ, ngành có dự án đầu tư.”

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì thực hiện việc bồi thường chậm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

2. Các nội dung khác của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 và Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận không thay đổi.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 4 năm 2021.

2. Quyết định này bãi bỏ khoản 15 Điều 1 Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- UBMTTQ VN tỉnh Ninh Thuận;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Ninh Thuận;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT, TCDNC. Tâm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam